

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI
NS. NGUYỄN KHÁNH HÒA
(Chủ biên)

895.922 08

ĐC

CH 305 KH



CHIẾN KHU ANH HÙNG Đ

Tuyển tập VHNT

 NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Chiến khu Đ anh hùng

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI
NS. NGUYỄN KHÁNH HÒA
(Chủ biên)

CHIẾN KHU Đ
ANH HÙNG
Tuyển tập VHNT

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2019/ĐC /VV

001641

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời giới thiệu

Chiến khu Đ là tên gọi của căn cứ cách mạng ở Đông Nam Bộ, vùng đất được mệnh danh “lam sơn chướng khí”, là nơi cư trú lâu đời của các tộc người Chơ-ro, S’Tiêng. Trong quá trình sinh tồn, các cư dân đã tạo nên những nét sinh hoạt khá độc đáo, góp phần làm đa dạng sắc thái văn hóa của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Khi căn cứ cách mạng được thành lập, cư dân Chơ-ro, S’Tiêng cùng với quân dân miền Đông Nam Bộ bao gồm cả Đồng Nai đã kiên cường trong lao động, gan dạ trong chiến đấu, đóng góp vào thắng lợi cuối cùng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc vào mùa Xuân lịch sử 1975.

Tên gọi Chiến khu Đ ngày nay không chỉ đơn thuần là một địa danh lịch sử mà còn là biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước, anh hùng cách mạng của người

dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, vùng đất Miền Đông “gian lao mà anh dũng” nói chung. Là căn cứ địa cách mạng kéo dài qua hai cuộc kháng chiến, đã có hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, lực lượng phục vụ kháng chiến từng sống, học tập, chiến đấu và anh dũng hy sinh ở Chiến khu Đ. Nhiều người trong số họ hiện đang an nghỉ dưới những tán rừng, trong sự chăm chút yêu thương của đồng đội, thân nhân và những thế hệ kế tiếp. Sau hơn 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Chiến khu Đ nay đã thay da đổi thịt đang viết tiếp câu chuyện của thời kỳ đất nước đổi mới và hội nhập. Văn học nghệ thuật đã phản ánh khá sinh động về vùng đất bất tử này, trong đó nổi bật là tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ lớn như Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bốn, Xuân Miến, Bùi Cát Vũ, các nhạc sĩ tài danh Hoàng Việt, Xuân Hồng...

Năm 2017, tiếp nối các văn nghệ sĩ lớp trước, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đồng Nai mở trại sáng tác văn học nghệ thuật về đề tài “Chiến khu Đ anh hùng”, nhằm phản ánh truyền thống đấu tranh cách mạng trong sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ đất nước, những hy sinh to lớn của các chiến sĩ, quân dân, những nét văn hóa của các tộc người thiểu

số, những thay đổi của vùng Căn cứ trong sự nghiệp đổi mới...

Có thể coi những tác phẩm dồi dào cảm xúc từ trại sáng tác “Chiến khu Đ anh hùng” là lòng tri ân của văn nghệ sĩ Đồng Nai đối với công lao to lớn của những người đã sống và chiến đấu, hy sinh trên vùng đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng” như lời ca của nhạc sĩ Hoàng Việt đã khái quát.

Ban biên soạn trân trọng giới thiệu Tuyển tác phẩm văn học nghệ thuật về Chiến khu Đ với bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN

CHIẾN KHU Đ – MIỀN ĐÔNG MỘT THỜI HÀO HÙNG

Hồi ký của Đỗ Trung Tiến

1. Những năm tháng gian khó

Cuối năm 1968, tôi được điều về Bộ Chỉ huy Phân khu 5, nhận nhiệm vụ ở Ban Dân quân thuộc Phòng Tham mưu. Thời kỳ này, nơi cơ quan bộ đóng quân gọi là Căn cứ 1 Chiến khu Đ, gần ngã ba sân lễ Phước Thành.

Từ cơ quan bộ đi các chiến trường, hoặc các cửa khẩu của Phòng Hậu cần có nhiều tuyến đường mòn. Đi Bình Mỹ, các xã, huyện của tỉnh Thủ Dầu Một phải qua bến đò Cây Chanh, Sông Bé; đi Bà Hàm, Biên Hòa, hoặc về Phân khu 4 (Bà Rịa - Long Khánh) phải qua bến đò Cây Gáo sông Đồng Nai, có khi phải ngược lên bến Nôm qua Dốc Mơ, hoặc cây số 125 đường 20. Chiến khu Đ lên Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền phải ra Bà Hào, Mã Đà, suối Nhung...

Trong kháng chiến, Bộ Chỉ huy và Phân khu ủy hiếm khi nhận lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, vật tư y tế của Hậu cần Miền, các cơ quan của Phân khu phải tự về các chốt hậu cần cung cấp, hoặc phải tự “đột ấp” mua hàng của dân. Ở cửa khẩu có nhiều chuyện lạ, có khi vợ của tướng tá của chính quyền Thiệu vì tiền mà chở cả xe tải lương thực, thực phẩm bán cho hậu cần bộ đội. Có người nói, có khi mua được cả khí tài, quân dụng... hàng của Mỹ.

Chiến khu Đ ngày ấy được hiểu trong phạm vi Khu Bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai bây giờ, khoảng 100 ngàn ha, bao gồm cả phần ngập nước hồ Trị An. Năm 1969, Mỹ tăng cường rải chất độc hóa học. Tuy nhiên rừng còn khá tốt, có khu vực còn 3 tầng cây, nhiều loại cây không hề rụng lá bởi dioxin, như cây cầy, cây họ tre...

Chiến khu Đ cũng có bất lợi, đó là hai đường ủi do Trần Lệ Xuân làm từ đầu thời kỳ Ngô Đình Diệm: Một từ Cây Gáo đến suối Mã Đà lên tận Đồng Xoài, một từ Vĩnh An đến ngã ba Cây Cây, ấp Lý Lịch; trong Chiến khu còn có những trảng cỏ; trước đó, trận Bàu Sấm B52 đã san phẳng một vùng rộng lớn, phía bắc lộ ủi về phía suối Mã Đà có sân bay nền đất từ hồi Pháp. Những bất lợi này là địa điểm để biệt kích Mỹ thường sử dụng trực thăng đổ quân.

Khi tôi về nhận nhiệm vụ ở Ban Dân quân, Ban chỉ có 6 cán bộ chiến sĩ, đều là người Bình Dương. Chú Hai Sơn - Trưởng ban lớn tuổi nhất rồi đến anh Hai Sung; bốn chị nữ: Tám Thanh, Út Dây, Ba Miền, Hai Nguyệt cũng hơn tôi 5 -10 tuổi. Do yêu cầu nhiệm vụ, Ban Dân quân được bổ sung 3 lính Bắc: Anh Quế, anh Nhung hơn tôi vài tuổi, tôi nhỏ nhất cơ quan. Cũng vì ít tuổi nên mọi người thân mật gọi tôi là “nhỏ” hoặc “hai”, “thằng nhỏ”, “thằng hai” theo cách gọi thứ của Nam Bộ. Bù lại tôi được các anh chị thương như em út trong nhà, cái gì cũng nhường, đi công tác về có quà đều cho.

Bây giờ mọi người đang sống trong hòa bình, quá đầy đủ, kể câu chuyện thời chiến tranh ác liệt, gian khổ mà bùi ngùi nhớ đến những người đồng đội, có khi chỉ vì đi tải gạo nuôi quân kháng chiến, cứu đói cho đơn vị mà nhiều người đã hy sinh.

Khó khăn nhất giai đoạn từ năm 1969-1971, địch quyết liệt bao vây phong tỏa Chiến khu, phong tỏa cửa khẩu, bộ đội chúng tôi đói hàng tháng, cả năm. Có lúc chỉ mua được đậu nành bên rẫy Bàu Hàm. Hàm đậu nành ăn cả tháng, đến mức đầu gối run không đi được. Có lần cơ quan 9 người được chia 20kg gạo, mỗi bữa chỉ có một lon gạo nấu với thật nhiều lá bướm. Lá

bướm, lá bép nhiều nhưng ngấm đầy chất độc dioxin. Vì thế ai cũng gầy và xanh da.

Trong Ban Dân quân, tôi là người nhỏ tuổi, nên được các anh chị quan tâm, ưu ái, ngược lại trong nhiệm vụ tôi là người cũng luôn thể hiện mình. Những chuyến đi công tác về địa bàn xây dựng lực lượng du kích, hoặc đi tải gạo tôi đều xung phong.

Đầu năm 1970, Sư đoàn 1 Mỹ tiếp tục đưa nhiều toán thám sát vào Chiến khu Đ. Chúng phong tỏa các tuyến đường mòn từ chiến khu đi Bình Mỹ, Bàu Hàm kể cả đường lên R. Một toán viễn thám Mỹ vào chiến khu thường đi một tiểu đội hoặc trung đội, chúng nháy trực thăng xuống trắng trổng rồi tìm đến đường mòn, ém quân cách đường mòn 5 mét, đặt mìn claymore theo từng cặp 2 quả suốt chiều dài khoảng 10 mét theo đường mòn, chúng phục kích 2-3 ngày. Trong những ngày đó nếu ta mất cảnh giác sẽ lọt ổ phục kích, có điều bộ đội đi trên đường mòn thường rất cảnh giác và đi cách xa nhau từ 5-10 mét, nếu lỡ đụng độ thương vong không nhiều. Những trận tao ngộ như vậy ta địch đều nổ súng dữ dội. Nếu đụng độ, thì kiểu gì quân Mỹ cũng kêu cả bày trực thăng “cá lẹp”, “cán gáo” lên bắn phá hỗ trợ để bốt quân.

Cuối tháng 4-1970, Chiến khu Đ bỗng dưng bầu trời không có máy bay, mặt đất không có quân Mỹ. Sự bất thường này do Campuchia có chuyện Lon Nol đảo chính Quốc vương Sihanouk. Trước đó, ngày 13-3, Lon Nol đòi quân Giải phóng phải rút khỏi Campuchia trong vòng 2 ngày, đồng thời yêu cầu không quân Mỹ ném bom, bắn phá dữ dội các vùng giáp biên giới Việt Nam.

Một việc bất thường và tàn nhẫn là Lon Nol mở đợt truy sát kiều bào ta đang sinh sống ở Campuchia, chúng đã giết 800 người Việt thả trôi sông Mê công về Việt Nam.

Kiểm cố ủng hộ chính phủ mới Lon Nol để đánh sâu vào hậu cứ của ta, ngày 22-4, Tổng thống Nixon phát động chiến tranh ra toàn bán đảo Đông Dương. Trong ngày 28 đến 30-4, Mỹ huy động 50 ngàn quân Mỹ và 50 ngàn quân Việt Nam Cộng hòa (VNCH) mở 23 cuộc hành quân đánh sâu vào đất Campuchia, có chỗ chúng tiến sâu 30-40 km.

Trên đất Campuchia, các Sư đoàn 5, 7, 9, C40 và các trung đoàn độc lập quân Giải phóng vận động phản công mãnh liệt, bao vây tiêu diệt các cụm đóng quân của địch. Bảy tuần sau, quân Mỹ và quân VNCH

không thể giải quyết được mục đích hỗ trợ Lon Nol và càn quét hậu cứ của ta.

Sự kiện trên cho thấy, Tổng thống Mỹ đã không rút quân, còn mở rộng chiến tranh, khiến hàng trăm trường đại học, cao đẳng, trung học với 4 triệu sinh viên trên toàn nước Mỹ bãi khóa, biểu tình và đã xảy ra vụ thảm sát của nhà cầm quyền Mỹ tại trường đại học Kent, 4 sinh viên thiệt mạng, 9 sinh viên bị thương. Thất bại cộng áp lực trong nội bộ nước Mỹ vụ đưa quân sang Campuchia đã buộc Nixon ra lệnh rút quân về Việt Nam, chỉ để lại 20 tiểu đoàn VNCH ở gần biên giới. Theo số liệu của phía Sài Gòn, cuộc hành quân sang xứ Chùa tháp làm cho 2.765 lính Mỹ và 7.450 lính VNCH đã bị thiệt mạng. Đợt phản công này, quân Giải phóng và du kích Campuchia đã kiểm soát hoàn toàn 5 tỉnh đông Bắc Campuchia với hơn 4 triệu dân.

Cuộc hành quân của quân Mỹ và quân VNCH sang Campuchia dự kiến đến cuối năm 1970, nhưng phải bỏ dở nửa chừng. Về Việt Nam, lính Mỹ đổ quân đóng chốt ngay trong lòng Chiến khu Đ, trên điểm cao khu vực 12 ống cống, đường ủi Trần Lệ Xuân. Bộ đội chúng tôi gọi chốt này là chốt Bà Cai (suối Bà Cai). Quân Mỹ còn đặt ở đây một trận địa pháo để hỗ trợ hành quân.

Chiến khu Đ khi Mỹ đóng chốt có vẻ căng thẳng hơn, các toán biệt kích Mỹ thường xuyên hoạt động. Để đối phó, Phân khu 5 cho xây dựng các căn cứ dự bị (từ năm 1968 đến tháng 6-1972, Bộ Chỉ huy phân khu có đến 12 căn cứ). Thời điểm này, các đơn vị cử đoàn đi công tác ra và về chiến khu không thể đi trên đường mòn, chủ yếu cắt rừng, bẻ cỏ đánh dấu đường. Qua việc bám sát các toán biệt kích Mỹ, trinh sát của ta phát hiện lính Mỹ hành quân trong rừng rất máy móc, thậm chí ngu ngốc. Chúng chỉ đi theo bản đồ, ví như được giao nhiệm vụ đi từ tọa độ A đến B, khi đi qua thực địa nếu gặp ụ mối cũng phải leo qua không tránh, nếu gặp bụi gai rậm rạp cũng phải chặt cho bằng hết để đi cho thẳng. Trong thực tế, cũng bởi quá trung thành với kiến thức huấn luyện, lính Mỹ sang Việt Nam có 18 tháng là thay quân, nên lính bộ binh rất yếu kinh nghiệm trận mạc. Quân Mỹ hành quân trong Chiến khu Đ nhất thiết phải có máy bay L-19 dẫn đường, cứ xem vòng lượn của máy bay là biết chúng đang ở đâu. Bộ phận theo dõi sóng radio của ta còn phát hiện khi vào Chiến khu, chúng liên lạc vô tuyến liên tục, cả khi chúng co cụm ban đêm.

Trong Chiến khu Đ, tôi chứng kiến hai trận càn lớn vào căn cứ Bộ Chỉ huy Phân khu 5. Trận đầu năm 1970, địch phát hiện Căn cứ 1 của Phân khu ở khu vực

suối Trâu Chết, căn cứ này có nhà lợp lá trung quân, hầm hố kiên cố. Trận này quân Mỹ chỉ hỗ trợ, còn tiểu đoàn “Trâu điên” VNCH làm mũi nhọn đột kích. Tuy cố gắng bí mật nhưng do quân số đông, chúng phải đổ quân rầm rộ ở trảng cỏ Bàu Sấn khá xa mục tiêu. Biết trước, toàn cơ quan bộ đã rút êm, chỉ để lại một tiểu đội vệ binh đánh nghi binh. Khi quân Mỹ chiếm lĩnh chốt chặn xong các ngã đường mòn, quân VNCH không dám bao vây căn cứ mà dò từng bước vào căn cứ theo đường mòn từ hướng sân lễ Phước Thành, một loạt mìn ĐH10, ĐH5 nổ vang quét dọc con đường, hàng chục tên địch bị đốn ngã, chúng dồn lại phía sau nghe ngóng thu dọn xác chết và lính bị thương, phải vài tiếng sau mới tiếp tục vào được căn cứ không người.

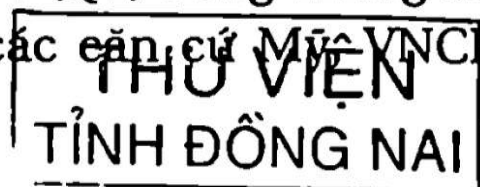
Trận càn thứ hai cũng vào đầu mùa khô năm 1971, quân Mỹ phát hiện và trực tiếp càn vào căn cứ Bộ Chỉ huy gần suối Tây Ngủ. Trước lúc bắn phá, đổ quân ở trảng Bàu Sấn, một toán biệt kích đã đột nhập phục kích đường mòn từ căn cứ ra đường mòn chính ở suối Tây Ngủ. Trận này ta có bị động, nên khi đi đầu dẫn đường đoàn rút quân, anh Hùng vệ binh bị Mỹ bắn tía, hy sinh tại suối Tây Ngủ. Toàn cơ quan bộ quay lại cất rình về hướng suối Xà Coóc dưới làn mưa đạn của máy bay trực thăng, nhưng an toàn. Trận này, cũng một

tiểu đội vệ binh ở lại đánh mìn ĐH, tiêu diệt hơn 10 lính Mỹ dò dẫm theo đường mòn vào Căn cứ. Khi có thương vong, trực thăng vũ trang các loại từ Biên Hòa lên bắn phá dữ dội Căn cứ suốt ngày.

Đến đây, có thể hiểu rằng, vì sao Chiến khu Đ lại được quân địch rất quan tâm. Cả quân Mỹ và quân VNCH thừa biết Chiến khu Đ là căn cứ lãnh đạo, chỉ huy của ta qua các thời kỳ như: Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền; Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu; Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu 5 Thủ - Biên...

Thời kỳ từ 1969-1971, Chiến khu Đ phải đối đầu với những khó khăn gian khổ ác liệt nhất, bởi tư lệnh quân Mỹ ở miền Nam đã giao địa bàn Chiến khu Đ cho Sư đoàn bộ binh Mỹ số 1 (Anh cả đỏ) đặc trách, sư đoàn này lâu đời và thiện chiến nhất nước Mỹ, từng tham gia chiến tranh thế giới, chiến tranh Triều Tiên.

Có điều, ý đồ của địch nhằm đẩy lùi, triệt phá các cơ quan lãnh đạo và chỉ huy của ta trong Chiến khu Đ đều thất bại. Từ năm 1969 các lực lượng vũ trang trên địa bàn miền Đông Nam bộ được cơ cấu và phát triển: Trung đoàn 141, Sư đoàn 7 đã thay thế Trung đoàn Đồng Nai áp sát thị xã Thủ Dầu Một; Trung đoàn Đồng Nai đổi tên thành Trung đoàn 4 (Q4) cùng Trung đoàn 33 từ Tây Nguyên về áp sát các căn cứ Mỹ-VNCH ở



2019/BC/VV

001641

Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa - Vũng Tàu... Trung đoàn 16 (Q16) địa bàn Tây Ninh... Các tiểu đoàn mũi nhọn, đại đội địa phương, dân quân du kích thuộc Phân khu 5 phát triển mạnh. Các tuyến hành lang giao liên, vận tải từ Chiến khu Đ đi các chiến trường tiếp tục mở rộng. Tất cả các lực lượng bộ đội chủ lực, địa phương và dân quân du kích luôn sẵn sàng cho một chiến dịch mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Chiến dịch Nguyễn Huệ

Từ khi Chính phủ ta chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ về thương lượng, quân Giải phóng không mở chiến dịch quân sự, tạo điều kiện cho đàm phán, nhưng Tổng thống Mỹ Nixon lại rất hiếu chiến.

Về chiến lược, Nixon luôn nói “Việt Nam hóa chiến tranh” để Mỹ rút quân, ngược lại, ông ta phát động chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương với quy mô chưa từng có: Năm 1970 xua 100.000 quân Mỹ, quân VNCH càn quét sang Campuchia; năm 1971 mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 đường 9 nam Lào.

Về ngoại giao, Mỹ nói chuyện với nước lớn từng là kẻ thù của Mỹ trong chiến tranh lạnh, để có đi có lại,

nhằm cắt giảm viện trợ cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và ủng hộ khi Mỹ có hành động leo thang.

Tại miền Nam, Nguyễn Văn Thiệu xua quân hò hét “tràn ngập lãnh thổ”. Không thể làm ngơ trước sự hung hăng của quân Mỹ và quân VNCH, cũng không sợ ảnh hưởng đến viện trợ, quân Giải phóng quyết định mở Chiến dịch Mùa hè 1972, miền Đông Nam bộ có tên Chiến dịch Nguyễn Huệ.

Tại Quảng Trị, 11 giờ ngày 30-3-1972, pháo binh ta bất ngờ dội bão lửa lên toàn bộ hệ thống căn cứ địch, suốt từ vĩ tuyến 17 đến thị xã Quảng Trị, La Vang. Tất cả 12 trận địa pháo của địch bị chìm chập, một giờ sau mới bắn trả yếu ớt.

Trong lúc pháo binh áp đảo, quân Giải phóng gồm bộ binh, xe tăng tiến quân ban ngày tràn ngập các căn cứ địch, nhân dân vùng lên diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ. Đợt đầu đến ngày 1-5, ta hoàn toàn giải phóng tỉnh Quảng Trị, 30.000 quân địch tại đây bị loại khỏi vòng chiến đấu, 178 máy bay, 11 tàu chiến, 320 xe tăng thiết giáp, 237 khẩu đại bác, nhiều vũ khí đạn dược bị phá hủy và lọt vào tay quân Giải phóng.

Mất gần trọn tỉnh Quảng Trị, Nixon ra lệnh ném bom trở lại miền Bắc. Thiệu cho rằng hướng tấn công chính của ta sẽ là Vùng 1, liền lập tức điều 9 tiểu đoàn

tin cậy từ Sài Gòn và Vùng 2 ra ứng cứu, tử thủ bờ nam sông Thạch Hãn.

Tại miền Đông Nam bộ, Phân khu 5 được chỉ đạo phối hợp Chiến dịch Nguyễn Huệ. Các Sư đoàn chủ lực 5,7,9 chịu trách nhiệm hướng tấn công chính. Các phân khu là hướng phối hợp, theo đó bộ đội địa phương phải tiêu diệt các căn cứ địch, mở rộng vùng giải phóng theo Quốc lộ 16, Quốc lộ 14, Tỉnh lộ 2...

Phía bắc Quốc lộ 13, Sư đoàn 5 quân Giải phóng đã áp sát biên giới. Cụm cứ điểm Lộc Ninh sẽ là mục tiêu đầu tiên của Chiến dịch Nguyễn Huệ.

Thị trấn Lộc Ninh cách thị xã An Lộc 32 km về hướng bắc, theo trục đường 13. Vì là cửa ngõ biên giới, nên Lộc Ninh là cứ điểm phòng thủ mạnh nhất Đông Nam bộ.

Theo điều nghiên, cứ điểm Lộc Ninh có Chiến đoàn 9 thuộc Sư 5 ngự do Đại tá Nguyễn Công Vĩnh chỉ huy; hai tiểu đoàn biệt động; một tiểu đoàn biệt kích; một trung đoàn thiết giáp; 4 địa trận địa pháo; 16 đồn bảo an; có sân bay dài 1.000m, rộng 100m...

Bộ Chỉ huy chiến dịch giao nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Lộc Ninh do Sư đoàn 5 quân Giải phóng chủ công, tăng cường: Trung đoàn 3 (Sư 9); Trung đoàn 42 pháo xe kéo; Trung đoàn 28 pháo khiêng vác Đoàn

pháo binh Biên Hòa; Trung đoàn 71 pháo cao xạ; 11 xe tăng của Đại đội 40 và một đại đội địa phương dẫn đường.

Trước khi mở màn trận Lộc Ninh, quân Giải phóng nghi binh hướng Tây Ninh. 4 giờ sáng ngày 1-4-1972, Trung đoàn 271 có xe tăng hỗ trợ tiến công tuyến phòng thủ của Trung đoàn 49 ngụy tại Xa Mát - Thiện Ngôn, đến 15 giờ chiếm được Xa Mát. 6 giờ cùng ngày ta tấn công căn cứ Tân Biên, 9 giờ ngày 4-4 làm chủ trận địa. 8 giờ sáng ngày 4-4, Trung đoàn bộ đội địa phương Phước Long tấn công Chi khu Phước Bình, 6 giờ sau Chi khu Phước Bình thất thủ.

Khi hướng đông và hướng tây Quốc lộ 13 bị ta tấn công và làm chủ, Quân đoàn III VNCH ở Biên Hòa nghĩ rằng ta sẽ đánh hướng Tây Ninh, chúng lệnh cho Sư đoàn 25 hành quân cơ giới lên Tây Ninh, bốc chiến đoàn 52 (Sư 18) lên ngã ba Đồng Tâm chốt giữ, đề phòng ta đánh Tây Ninh xong sẽ đánh tiếp Bình Long.

Giữa lúc địch sai lầm về hướng phòng thủ, bất ngờ 5 giờ 30 sáng ngày 5-4 cả ba trận địa pháo của ta có bí danh Hồng Hà, Cửu Long, Đồng Nai gồm cối 120-160 ly, pháo 105-122 ly, hỏa tiễn ĐKB, H12 đồng loạt dội bão đạn vào Chiến đoàn 9, Chi khu quân sự, sân bay và các trận địa pháo của địch trong cứ điểm Lộc Ninh.

Trận mưa pháo kéo dài gần 40 phút, sau đó bắn đều đều và chuyển làn hỗ trợ 2 trung đoàn bộ binh từ hai hướng đông tây, có pháo mang vác của đoàn pháo binh Biên Hòa đi kèm, áp sát mục tiêu. Súng DKZ 75, cối 82 của ta bắn phá dữ dội các lô cốt đầu cầu của Chiến đoàn 9, hai tiểu đoàn 8 và 9 áp sát sân bay Lộc Ninh, tiểu đoàn 28 đặc công nổ súng đánh thẳng vào sở chỉ huy thiết giáp, chi cảnh sát. Trận tập kích cùng lúc các mục tiêu, khiến toàn bộ quân VNCH ở Lộc Ninh không thể hỗ trợ nhau.

Cùng giờ, hướng nam đường 13, các đơn vị của Trung đoàn 1 và 2 Sư đoàn 9 chốt chặt khu vực Lộc Hưng - Thanh Lương, chiếm cầu Cần Lê, cắt đứt nam đường 13 cô lập hoàn toàn cứ điểm Lộc Ninh với thị xã An Lộc.

Hướng bắc Lộc Ninh về phía biên giới, điểm cao 222 và căn cứ Hoa Lư của địch hoàn toàn bị cô lập. Hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn biệt động, một thiết đoàn gồm 20 xe tăng từ hướng này liều mạng lùi về Lộc Ninh bị lọt ổ phục kích của Trung đoàn 3, Sư 9 của ta, đành phải quay ngược trở lại, để lại xác 14 xe tăng và hàng chục xác lính.

Ngày 6-3, theo lệnh Quân đoàn III và Sư đoàn 5, Trung đoàn 1 và thiết đoàn 9 VNCH từ An Lộc phải tìm

mọi cách theo đường 13 giải cứu Lộc Ninh. Hơn một ngày đột phá chốt Cần Lê không thành, hầu hết quân lính của địch bị thương vong, 18 xe tăng bị bắn cháy, 8 máy bay UH-1 bị bắn rơi, số còn lại phải lùi về An Lộc.

Ngày 7-4, từ 3 giờ sáng Sư đoàn 5 quân Giải phóng quyết định dứt điểm cứ điểm Lộc Ninh, chủ trương tiêu diệt Chiến đoàn 9, bắt sống đại tá Vĩnh và nhóm cố vấn Mỹ, các trận địa pháo của ta đã bắn 350 quả pháo phá hủy hầm bê tông suốt hai giờ, ngay lập tức 6 xe tăng và 2 tiểu đoàn quân Giải phóng tràn lên dứt điểm căn cứ. Trong số ra hàng không có tên Vĩnh và cố vấn Mỹ. Đến 11 giờ cùng ngày quân trốn chạy lọt ổ phục kích của đơn vị Trung đoàn 1, Sư đoàn 5, trận tao ngộ dữ dội này có 50 tên bị diệt, 150 tên bị bắt sống, trong số bị bắt có Đại tá Nguyễn Công Vĩnh, chỉ huy Chiến đoàn 9, Trung tá thiết đoàn trưởng và 4 cố vấn Mỹ. Điều tra nhanh được biết tên Trung tá quận trưởng Nguyễn Xuân Thịnh đã giả dạng thường dân di tản trốn mất.

Trận Lộc Ninh diễn biến trong 3 ngày, quân địch kháng cự mạnh nên phải chịu thương vong: hơn 2.000 lính bị chết, 1.876 tên bị bắt, 106 xe tăng thiết giáp, 13 khẩu pháo, 8 trực thăng, 2.500 tấn vũ khí bị quân Giải phóng phá hủy và thu giữ.

Huyện Lộc Ninh (bao gồm cả Bù Đốp), huyện đầu tiên của Đông Nam bộ với 25.000 dân được hoàn toàn giải phóng.

Biết nguy cơ Tiểu khu An Lộc sẽ bị tấn công, Lê Văn Hưng, Tư lệnh Sư đoàn 5 VNCH ra lệnh các đơn vị rút về phòng thủ.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn III VNCH lên Lai Khê lập sở chỉ huy, yểm trợ. Nhóm cố vấn Mỹ ở Lai Khê sợ cái dớp Lộc Ninh nên không tên nào chịu vào An Lộc.

Theo điều tra, Tiểu khu An Lộc là căn cứ Bộ Chỉ huy Sư đoàn 5 VNCH, sở chỉ huy đặt trong trại của tướng Đỗ Cao Trí, hầm hào rất kiên cố. Quân địch ở An Lộc có hai trung đoàn bộ binh số 7 và 52, một Liên đoàn 3 biệt động, một số trung đội, đại đội địa phương và số ít tàn quân tháo chạy từ Lộc Ninh. Một đơn vị quân VNCH khoe rằng, khi hành quân đi qua căn cứ cũ của Mỹ ở Dầu Tiếng, chúng lấy được 2.000 quả đạn chống tăng M-72 của Mỹ mang vào An Lộc (?). Toàn bộ quân tại chỗ địch có 6.350 quân.

Lực lượng quân Giải phóng trực tiếp vây hãm An Lộc do Sư đoàn 9 chủ công; pháo binh gồm: Trung đoàn 42 pháo xe kéo, Trung đoàn 28 pháo binh Biên Hòa, 4 tiểu đoàn pháo phòng không, hai tiểu đoàn xe tăng số 20 và 21. Sư đoàn 5, Sư đoàn 7 và C30 B quân

Giải phóng tham chiến vòng ngoài. Đặc biệt, Sư đoàn 7 đảm nhiệm chốt chặn kết hợp vận động tấn công suốt chiều dài 26 km đường 13, từ Chơn Thành đến An Lộc.

Đêm 12 rạng 13-4-1972, suốt đêm mưa pháo của quân Giải phóng với 6.000 quả đạn các loại nã vào căn cứ An Lộc. Ngay trận đầu 23/24 khẩu đại bác của địch bị ta phá hủy. Trong An Lộc địch đã có thương vong lớn. Quân đoàn III VNCH đưa 20.000 quân đến giải vây thương vong cao, mà không thể nào vượt qua các chốt chặn của Sư đoàn 7 quân Giải phóng.

Đêm 14-4, các cuộc giao tranh của bộ binh và xe tăng giữa ta và địch giành giật từng trận địa, căn nhà góc phố. Do quân nguy trong căn cứ yếu thế về pháo binh, nên nhóm cố vấn Mỹ ở Lai Khê chi viện tối đa về không quân, kể cả B52, chúng đánh bom suốt ngày đêm trong thị xã và xung quanh An Lộc để giải vây.

Trong tình thế quân đồn trú bị tiêu hao nặng, quân giải vây không vào được, ngày 14-4, Nguyễn Văn Thiệu tăng cường trực thăng vận chuyển Trung đoàn 8 và lữ đoàn dù nhảy vào An Lộc. Một sự tàn ác nữa, đó là Nguyễn Văn Minh Tư lệnh Quân đoàn III, có sáng kiến đưa 400 lao công đào binh từ Biên Hòa vào An Lộc. Tội nghiệp cho những lao công đào binh, những người lính phản chiến bị án phạt lao công, họ bị trực

thăng bốc vào An Lộc, phải tự cầm súng chiến đấu để sinh tồn. Sau chiến dịch An Lộc, có 200 lao công đào binh bị chết. Một viên tướng ngụy khoe rằng, nhờ có tham chiến ở An Lộc mà số lao công đào binh chết được hưởng chính sách tử sĩ ở mặt trận, số còn sống được phục hồi chức vị và tiếp tục được cầm súng!

Cũng vì sự sống còn của An Lộc trước cửa ngõ Sài Gòn, quân VNCH đã dồn hết lực lượng phòng thủ, Mỹ chi viện tối đa không quân trong, ngoài thị xã, bất chấp thương vong cao cho quân lính và dân thường.

Ngày 12 tháng 6-1972, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Nguyễn Huệ quyết định dừng tấn công An Lộc bằng bộ binh, giao cho Trung đoàn 42 cô lập An Lộc bằng pháo binh. Mặt trận An Lộc đã làm được nhiệm vụ chi viện tích cực cho mặt trận Quảng Trị và Tây Nguyên, thu hút vào mặt trận An Lộc toàn bộ quân trừ bị chiến lược của địch với 26.000 quân để tiêu hao, trong số đó 8.000 lính bị chết, riêng quân lính bị chết trong thị xã là 2.300. Cứ điểm An Lộc sau đó chỉ là một ốc đảo, suốt ngày đêm bị Trung đoàn 42 bắn phá. Vùng giải phóng Lộc Ninh được mở rộng đến sát thị xã An Lộc và giữ vững cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

3. Chiến khu Đ sau mùa hè 1972

Kết thúc Chiến dịch Nguyễn Huệ, cứ điểm An Lộc và Tống Lê Chân bị quân Giải phóng cô lập hoàn toàn bằng pháo binh. Sư đoàn 5 quân Giải phóng được lệnh hành quân về hoạt động ở biên giới Tây Nam, tỉnh Long An và Mỹ Tho. Sư đoàn 25 Việt Nam Cộng hòa (VNCH) từ miền Tây lên ứng cứu An Lộc bị chặn đứng ở Chơn Thành, nghe tin Sư đoàn 5 của ta về miền Tây liền quay về đối phó. Sư đoàn 7 quân Giải phóng vẫn khống chế đường 13, tập kích nhiều căn cứ khu vực Lai Khê, Chơn Thành. Sư đoàn 9 quân Giải phóng làm nhiệm vụ bảo vệ vùng giải phóng Lộc Ninh, Bình Long và tuyến biên giới.

Tình hình cuối tháng 6-1972, vùng giải phóng các tỉnh miền Đông Nam bộ được mở rộng theo thế liên hoàn với hậu phương. Những vùng tranh chấp có vẻ quân nguy rất sợ ta tấn công. Thời gian này bộ binh Mỹ đẩy mạnh việc rút quân, nhưng Bộ Tư lệnh quân Mỹ còn ở Long Bình, cố vấn Mỹ vẫn có mặt ở các đơn vị quân nguy từ cấp trung đoàn trở lên. Mỹ tiếp tục hỗ trợ rất mạnh về không quân cho VNCH.

Đầu tháng 6-1972, Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập Sư đoàn pháo binh 75, Sư đoàn còn có mặt danh Đoàn pháo binh Biên Hòa. Đoàn 75 ban đầu có

Trung đoàn 42 pháo mặt đất và Trung đoàn 71 pháo phòng không và một số đơn vị trực thuộc. Sư Trường 75 là Thiếu tướng - nhà văn Bùi Cát Vũ; Đại tá Nguyễn Đăng Mai (Nguyễn Đăng Bảy), Chính ủy Phân khu Thủ Biên, được điều về làm Chính ủy Sư đoàn. Ông Bảy từ phân khu về pháo binh Miền cũng đúng, bởi khi tập kết ở ngoài Bắc, ông đã là Chính ủy một trung đoàn pháo.

Nhận quyết định cùng về đoàn 75, nhóm lính Phân khu 5 chúng tôi có anh Lực (Thủ Đức), anh Cảnh (Hòa Bình), anh Dũng (Vĩnh Cửu) và tôi.

Ông Bảy nói với tôi: *“Về Miền chú vẫn nghe đài địch để nắm thêm thông tin”*. Ở Chiến khu Đ, ngoài việc nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh Giải phóng, ông Bảy thường nghe Đài VOA và BBC, còn ông giao tôi nghe thêm đài Sài Gòn và đài quân đội của ngụy. Ông Bảy cho rằng tin tức của đài ta là chính thống nhưng chậm, do đó tham khảo thêm tin tức từ đài địch, kết hợp việc theo dõi của Ban 2, xem trên địa bàn trong ngày có hoạt động quân sự nào. Vì thế, lúc đó tôi là người “điểm báo” bất đắc dĩ. Buổi tối, tôi thường cắm tai nghe một bên, còn một bên nghe ngóng bên ngoài, hễ có tin tức gì mới là tôi báo cáo ngay.

Trên đường về Miền nhận nhiệm vụ, tổ trình sát đưa chúng tôi từ căn cứ 11 sang Phân khu ủy ở suối Cây Sung, đi bộ mất gần một ngày, ở lại một đêm, để báo cáo cấp ủy số cán bộ chuyển công tác. Nghỉ một đêm ở Phân khu ủy có chuyện không may, đúng vào đêm Mỹ đánh B52 trúng căn cứ. 12 giờ đêm, tôi đang nằm trên võng, bỗng giật mình nghe loạt bom chát chúa, nổ từ xa tới chỗ mình rồi qua luôn một vệt dài, cây cối đổ, đất đá bay rào rào. May cho tôi giăng võng gần cửa hầm, kịp lật khỏi võng, ôm đầu nằm sấp bên ụ mối. Còn may hơn là không có quả bom nào nổ gần, không có quả bom nào trúng các hầm. Tiếng gọi thất thanh từ phía dưới dốc vọng lên hỏi có ai sao không? Tôi lấy đèn pin soi chiếc võng dù lủng hai lỗ bằng ngón tay, phía trước cây rừng bị bom phát quang, ngổn ngang. Tin cho hay, một quả bom rơi trúng khu vực cấp dưỡng, hai người không ngủ hầm hy sinh. Ông Bảy đánh điện về Bộ Chỉ huy báo tin căn cứ Phân khu ủy bị đánh bom, đề nghị cho biết lý do. Một lát sau, bên tham mưu báo cáo: Địch phát hiện Công trường 7 tập kết quân ở Chiến khu Đ, không rõ tọa độ, cố vấn Mỹ xin đánh một phi đội B52. Đúng là đám cố vấn Mỹ vẫn trợ thủ đắc lực cho quân VNCH. Vụ đánh bom cuối cùng vào Chiến khu Đ giữa năm 1972 cho thấy tình báo địch cũng rất thính, có điều thời gian và địa điểm

đều sai, vì tháng 7, 8 Trung đoàn 141 của Sư 7 mới về hoạt động ở khu vực Bình Mỹ, Bình Cơ, Phước Hòa, nam Chiến khu Đ.

Hôm sau, chúng tôi qua bến đò Cây Chanh, Sông Bé và phải mất ba ngày đi bộ, vượt đường 16, qua Lai Uyên để về căn cứ Đoàn pháo binh 75.

Căn cứ Sư bộ Đoàn 75 ở phía tây thị xã An Lộc, gần biên giới. Rừng ở đây thưa, ít cây to, loại rừng khộp có nhiều bụi le (loại cây le họ tre). Tình hình khu vực lúc này không căng lắm, nhưng hầm của các thủ trưởng sư đoàn được công binh làm rất kiên cố. Các hầm cách xa nhau vài chục mét. Khu vực rừng không có lá trung quân, nên lán làm việc lợp bằng ni lông xanh, bên trên phủ nhiều chà cây ngụy trang. Từ lán làm việc của tư lệnh, chính ủy, các phòng ban, đến các trung đoàn, từ trung đoàn đến các khẩu đội và đài quan sát liên lạc bằng mạng điện thoại hữu tuyến.

Sau khi bộ binh ta rút khỏi cứ điểm An Lộc, chỉ để lại một số đơn vị ngăn chặn, không cho địch nống ra ngoài thị xã. Các trận địa pháo của Trung đoàn 42 tiếp tục bao vây An Lộc bằng pháo hạng nặng. Trên các ngọn cây cao xung quanh An Lộc, đài quan sát pháo binh ngày đêm theo dõi từng động tĩnh trong thị xã, cứ thấy địch ra khỏi hầm, hoặc máy bay đáp xuống là dội

pháo. Hiệu quả cách bao vây bằng pháo binh khá tốt, ngày nào địch cũng có thương vong.

Tối ngày 7-7-1972, lúc 18 giờ, tôi nằm võng mở đài quân đội VNCH nghe tin, bỗng giật mình, nghe nữ phát thanh viên thông báo: Mời các bạn đón nghe tường thuật, vào lúc 13 giờ trưa nay Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đến thăm và ủy lạo đồng bào, chiến sĩ An Lộc! Tôi hốt hải cầm chiếc radio chạy sang lán Chính ủy, ông Bảy cầm chiếc đài mở to hơn, mặt biến sắc khi nghe bản tin: *“Trưa nay lúc 13 giờ, hai chiếc trực thăng đã đưa Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và đoàn tùy tùng đến thăm đồng bào và chiến sĩ An Lộc, cùng đi có Đại tướng Cao Văn Viên - Tổng tham mưu trưởng, Trung tướng Đặng Văn Quang - Cố vấn an ninh, Trung tướng Nguyễn Văn Minh - Tư lệnh Quân đoàn III, Hoàng Đức Nhã - Bí thư tổng thống tham vụ báo chí. Cùng đi còn có đại tướng hồi hưu Vanuxem, người Pháp”*.

Sau khi tường thuật hoạt động của Thiệu, đài này còn phát đoạn băng Thiệu gọi điện về cho vợ ở Dinh Độc lập, để chứng minh với người nghe là có thật: *“...Má nó đấy hả, tôi đã đến An Lộc thăm đồng bào và chiến sĩ, nay tôi ăn cơm khách, không ăn cơm nhà, cứ an tâm”*.

Dưới ánh đèn, tôi thấy Chính ủy mặt từ tái chuyển sang đỏ vì tức giận, ông nói hơi lạc giọng: “*Chú... quay điện thoại... cho tôi gặp Trung đoàn trưởng 42*”. Đầu bên kia, người trực chuyển ống nghe cho trung đoàn trưởng.

Chính ủy Bảy: “*Các anh có nghe có thấy gì không? 13 giờ trưa nay hai chiếc trực thăng đưa Thiệu và đoàn tùy tùng cấp cao đáp xuống An Lộc. Chúng đáp xuống bằng cách nào, sao không thấy, sao không bắn, các anh có biết tiêu diệt Thiệu vào lúc này có ý nghĩa với đồng bào, chiến sĩ thế nào không?*”.

Thủ trưởng Trung đoàn 42 ở bên kia chắc rất bất ngờ.

Ông Bảy tiếp: “*Tôi yêu cầu 10 phút báo cáo nguyên nhân, biện pháp khắc phục*”.

Chính ủy gọi điện báo cáo tình hình cho Tư lệnh Bùi Cát Vũ.

Tôi ngồi lại để nghe tình hình, tôi góp ý: “*Theo sơ đồ chiến lược trận An Lộc thì bộ binh ta tấn công 3 hướng, bao vùng từ đông bắc, bắc, tây. Hướng quan sát và bắn của pháo binh cũng vậy. Còn kẻ hở hướng nam, đông nam thị xã khoảng 3km đường 13. Khu vực này cây thưa nhiều trảng cỏ, phù hợp với tiết lộ của đài địch đưa tin Lữ đoàn dù, Trung đoàn 8 và 400 lao công đào*